

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 322/HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 1991

NGHỊ ĐỊNH

Ban hành quy chế Khu chế xuất

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 29 tháng 12 năm 1987;

Nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài đầu tư vốn, kỹ thuật và công nghệ tiến bộ vào những khu công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, khai thác có hiệu quả nguồn lao động, thu hút kỹ thuật và công nghệ tiên tiến ;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.

Ban hành Quy chế khu chế xuất tại Việt Nam kèm theo Nghị định này.

Điều 2.

Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 3.

Nghị định này thi hành kể từ ngày ký.

QUY CHẾ

KHU CHẾ XUẤT TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Nghị định số 332- HĐBT ngày 18-10-1991

của Hội đồng Bộ trưởng)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

Khu chế xuất là khu công nghiệp tập trung chuyên sản xuất hàng xuất khẩu và thực hiện các dịch vụ sản xuất hàng xuất khẩu và xuất khẩu được thành lập và hoạt động theo quy chế này.

Điều 2.

Khu chế xuất do Chính phủ Việt Nam thành lập ở những địa bàn có vị trí thuận tiện cho sản xuất hàng xuất khẩu và cho xuất khẩu, có ranh giới địa lý được ấn định theo quyết định thành lập.

Điều 3.

Chính phủ Việt Nam bảo đảm đối xử công bằng và thoả đáng đối với các nhà đầu tư vào khu chế xuất.

Các biện pháp bảo đảm đầu tư quy định tại các điều 21, 22, 25 của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được áp dụng cho các nhà đầu tư vào khu chế xuất.

Các nhà đầu tư vào Khu chế xuất được hưởng những ưu đãi quy định trong quy chế này.

Điều 4.

Trong khu chế xuất các nhà đầu tư được hoạt động trong các lĩnh vực:

1. Sản xuất, gia công, lắp ráp sản phẩm xuất khẩu.
2. Kinh doanh các dịch vụ cho các hoạt động nói trên và cho xuất khẩu.

Điều 5.

Đối tượng được đầu tư vào Khu chế xuất bao gồm:

1. Các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài.
2. Người Việt Nam định cư nước ngoài (bao gồm các cá nhân và các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân).
3. Các tổ chức kinh tế Việt Nam có tư cách pháp nhân thuộc các thành phần kinh tế.

Điều 6.

Cơ quan quản lý Khu chế xuất là ban quản lý Khu chế xuất.

Điều 7.

Chính phủ Việt Nam cho phép và khuyến khích thành lập Công ty liên doanh giữa bên (hoặc các bên) Việt Nam và Bên (hoặc các Bên) nước ngoài để xây dựng và kinh doanh các công trình kết cấu hạ tầng của Khu chế xuất.

Công ty liên doanh xây dựng và kinh doanh các công trình kết cấu hạ tầng Khu chế xuất được thành lập và hoạt động theo các quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định số 28-HĐBT, ngày 16 tháng 2 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng. Quyền lợi và nghĩa vụ của công ty được quy định trong giấy phép đầu tư do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.

Điều 8.

Đầu tư vào Khu chế xuất phải đảm bảo những điều kiện sau đây:

1. Đối với cơ sở sản xuất: Sản phẩm bán được ở thị trường nước ngoài; ưu tiên sử dụng lao động Việt Nam, chỉ sử dụng người nước ngoài đối với những loại công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng; sản xuất không gây ô nhiễm môi trường.
2. Đối với cơ sở dịch vụ (vận chuyển, bốc dỡ, sửa chữa, bảo hiểm, ngân hàng v.v...) hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu ở khu chế xuất.

Điều 9.

Các hình thức đầu tư vào Khu chế xuất:

1. Thành lập xí nghiệp 100% vốn của nhà đầu tư.
2. Liên doanh giữa Bên (hoặc các Bên) nước ngoài và Bên (hoặc các Bên) Việt Nam theo hình thức xí nghiệp liên doanh.
3. Hợp tác trên cơ sở hợp đồng giữa các xí nghiệp Khu chế xuất, giữa các xí nghiệp Khu chế xuất với các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc với các tổ chức kinh tế Việt Nam có tư cách pháp nhân theo các quy định của quan hệ giữa các xí nghiệp nước ngoài với xí nghiệp Việt Nam.

CHƯƠNG II

XÍ NGHIỆP KHU CHẾ XUẤT

Điều 10.

Xí nghiệp Khu chế xuất được thành lập theo hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn.

Xí nghiệp Khu chế xuất có tư cách pháp nhân theo Pháp luật Việt Nam và hoạt động theo các quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Quy chế Khu chế xuất.

Điều 11.

Để thành lập xí nghiệp khu chế xuất, nhà đầu tư phải làm đơn xin phép gửi Ban quản lý Khu chế xuất, kèm theo hồ sơ như quy định. Trong thời hạn 3 tháng, Ban quản lý Khu chế xuất

thông báo quyết định của ngành cho nhà đầu tư. Trong trường hợp đơn xin phép kinh doanh được chấp nhận, ban quản lý Khu chế xuất cấp cho nhà đầu tư giấy phép kinh doanh và chứng nhận đăng ký điều lệ nghiệp.

Hồ sơ liên quan được đăng ký tại Ban quản lý Khu chế xuất.

Điều 12.

Xí nghiệp Khu chế xuất có tư cách pháp nhân sau khi được Ban quản lý Khu chế xuất cấp giấy phép kinh doanh và chứng nhận đăng ký Điều lệ xí nghiệp.

Điều 13.

Thời hạn hoạt động của xí nghiệp Khu chế xuất thông thường không quá 50 năm kể từ ngày Ban quản lý Khu chế xuất cấp giấy phép kinh doanh.

Hết thời hạn, nếu muốn tiếp tục hoạt động ở Khu chế xuất, xí nghiệp có thể xin Ban quản lý Khu chế xuất gia hạn hoạt động và nếu được tiếp tục hoạt động thì không phải đăng ký lại điều lệ xí nghiệp.

Điều 14.

Xí nghiệp Khu chế xuất được kinh doanh trong khuôn khổ luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Quy chế Khu chế xuất và giấy phép kinh doanh.

Điều 15.

Trên nguyên tắc tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh, xí nghiệp Khu chế xuất có quyền:

1. Thuê đất trong Khu chế xuất, xây dựng nhà xưởng và các công trình kiến trúc phục vụ kinh doanh theo các điều khoản của giấy phép kinh doanh.
2. Sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, các dịch vụ ở Khu chế xuất và trả tiền sử dụng hoặc lệ phí.
3. Quyết định chương trình, tổ chức kinh doanh phù hợp với giấy phép kinh doanh và điều lệ xí nghiệp.
4. Nhập khẩu thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu cần thiết cho kinh doanh , theo các điều khoản của Giấy phép kinh doanh.
5. Xuất khẩu sản phẩm ra thị trường nước ngoài, thực hiện các dịch vụ có liên quan đến xuất khẩu.

6. Định giá sản phẩm và dịch vụ trên cơ sở thoả thuận.

7. Được tuyển dụng công nhân, nhân viên vào làm việc ở xí nghiệp.

Điều 16.

Các xí nghiệp Khu chế xuất có nghĩa vụ:

1. Tuân theo quy chế khu chế xuất, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Pháp luật Việt Nam.
2. Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Chính phủ Việt Nam quy định trong Khu chế xuất.
3. Mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc Ngân hàng liên doanh giữa Việt Nam với nước ngoài hoặc tại chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đặt ở Việt Nam.
4. Mở sổ kế toán, thống kê theo Pháp luật Việt Nam.
5. Bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác trong hoạt động của mình.
6. Bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường và môi sinh khu chế xuất, thực hiện các biện pháp phòng cháy, chống cháy.

CHƯƠNG III

THUÊ ĐẤT, THUÊ NHÀ XƯỞNG

VÀ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Điều 17.

Đất đai trong Khu chế xuất thuộc quyền sở hữu của nhà nước Việt Nam.

Điều 18.

Nhà đầu tư có quyền thuê đất trong Khu chế xuất để xây dựng nhà xưởng cần thiết cho kinh doanh.

Điều 19.

Thời hạn thuê đất trong Khu chế xuất tùy thuộc vào thời hạn hoạt động của xí nghiệp ghi trong giấy phép kinh doanh.

Điều 20.

Trong trường hợp việc xây dựng nhà xưởng đòi hỏi phải phân kỳ sử dụng đất đai, nhà đầu tư được Ban quản lý cho thuê một lần toàn bộ diện tích đất đai cần thiết và phải có kế hoạch sử dụng diện tích được thuê trong thời hạn tối đa 3 năm. Nếu vì lý do bất khả kháng và lý do